

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN AM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AM DEVELOPMENT AND INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AM D&IG.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109910920

**3. Ngày thành lập:** 22/02/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 45 phố Trung Phụng, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969001395

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659     |
| 4.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4661     |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu) Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.                                                                                                                                                                                                       | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;<br>- Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở;<br>- Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở;<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở                                                                                                                                                                                                                    | 6810(Chính) |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (Trừ Đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6820        |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí) (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690        |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4711        |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4719        |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu | 4781        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5229        |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101        |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4211        |
| 17. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4212        |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4221        |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222        |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4223        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4229        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi; công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp; công trình bưu điện, đường dây và trạm biến thế điện; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn                                                                                                                                                   | 4299 |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311 |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 36.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM HỮU QUÂN | KĐT 2BĐ Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 360        | 36.000.000            | 1,000     | 038088041453                                                                                |         |
|     |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                               | Tổng số                   | 360        | 36.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                                               |                           |        |               |        |                  |
|---|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|---------------|--------|------------------|
| 2 | NGUYỄN THỊ NGỌC    | KĐTM Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                         | Cổ phần phổ thông         | 360    | 36.000.000    | 1,000  | 0381870064<br>11 |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Tổng số                   | 360    | 36.000.000    | 1,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               |                           |        |               |        |                  |
| 3 | NGUYỄN THUYẾT LINH | 2907A toà HH2 lô A44, KĐT Hai Bên Đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 35.280 | 3.528.000.000 | 98,000 | 0381940260<br>67 |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                               | Tổng số                   | 35.280 | 3.528.000.000 | 98,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                               |                           |        |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THUỶ LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/03/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038194026067

Ngày cấp: 15/12/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *2907A toà HH2 lô A44, KĐT Hai Bên Đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *2907A toà HH2 lô A44, KĐT Hai Bên Đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội